

# XÂY DỰNG HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP, ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP CHỨNG CHỈ QUỐC GIA

• PGS.TS NGUYỄN ĐỨC TRÍ

*Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục*

## Đặt vấn đề

Mấy năm gần đây, mặc dù số trường trung học chuyên nghiệp (THCN) được nâng cấp lên cao đẳng ngày càng nhiều nhưng hệ thống GD THCN, nay là trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) theo Luật Giáo dục mới, vẫn tiếp tục phát triển. Hệ thống GD TCCN đào tạo các ngành nghề tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu: Kỹ thuật, Kinh tế- Dịch vụ, Y tế, Văn hoá - Nghệ thuật... Sự phát triển quy mô đào tạo TCCN phản ánh sự gia tăng thực tế nhu cầu học tập của người dân và phần nào nhu cầu của thị trường lao động đối với GD TCCN, nhưng đồng thời lại gây nên những áp lực lớn và cùng với nhiều lí do khác làm cho chất lượng và hiệu quả trong GD TCCN bị hạn chế. Việc nâng cao chất lượng GD nói chung, chất lượng GD TCCN nói riêng, đang là đòi hỏi cấp thiết hiện nay ở nước ta.

Chất lượng hệ thống GD TCCN phải do chất lượng của từng cơ sở GD TCCN tạo nên. Quan niệm tương đối và rộng về chất lượng GD không coi sự thành công của nhà trường chỉ thông qua các chỉ số về đầu ra (Outcome) mà còn tính đến các chỉ số đầu vào (Input) và các chỉ số về quá trình (Process) trên nền môi trường bên ngoài của nhà trường (Context). /1/, /2/ Trong thị trường lao động, các liên đới tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ GD TCCN đã và đang phải cố gắng tìm giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu của các loại khách hàng, tức là đáp ứng được bên cầu. "Bên cầu" giờ đây được mở rộng và cụ thể hoá sâu sắc đối với từng loại khách hàng khác nhau, song điều người ta quan tâm nhất là những năng lực nghề nghiệp (NLNN) ở người lao động mà người sử dụng nhân lực cần

đến trong các công việc của một nghề xác định, ở các vị trí làm việc điển hình, cụ thể. Nhân lực đã trở thành một dạng tài nguyên, quá trình đào tạo và sử dụng nhân lực được coi là quá trình đầu tư vào nhân lực, cũng giống như các dạng đầu tư khác, vì thế, các liên đới tham gia trực tiếp vào quá trình đầu tư đó, bao gồm trước hết là các cơ sở đào tạo, người học và người sử dụng nhân lực, đều phải quan tâm tìm ra tiếng nói chung và thoả mãn nhu cầu của mỗi bên.

Ở Việt Nam hiện nay mới chỉ có các quy định về việc thực hiện đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng, chứng chỉ (VBCC) cho người tốt nghiệp trong hệ thống các cơ sở GD nghề nghiệp, chủ yếu là hệ chính quy. Có quá nhiều tranh luận xung quanh sự bình đẳng, nhất là về chất lượng giữa hệ thống đào tạo chính quy và không chính quy nhưng đến nay chưa có lời giải đáp thoả đáng. Nhiều người tốt nghiệp các khoá đào tạo kĩ thuật và dạy nghề ở nhiều ngành nghề khác nhau hiện nay khi xin việc làm thường phải qua đánh giá lại để xem xét tuyển dụng. Điều đó chứng tỏ các VBCC mà các nhà trường cấp cho người tốt nghiệp có giá trị hạn chế nhất định, không nhất thiết được coi như các chứng chỉ nghề nghiệp mà người sử dụng lao động các ngành nghề đòi hỏi và thừa nhận.

Trong thực tế của một xã hội học tập, học tập suốt đời ngày nay, hàng triệu lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức đều có nguyện vọng và khả năng nâng cấp trình độ nghề nghiệp của họ ngay trong quá trình lao động thông qua hệ thống đào tạo chính quy, không chính quy và cả phi chính quy. Tuy nhiên, chưa có bất cứ một loại chứng chỉ nào công

nhận một cách chính thức trình độ NLNN cho họ mà lại có giá trị được thừa nhận rộng rãi trong xã hội. /3/

Xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế có yêu cầu cao về chất lượng đội ngũ nhân lực làm việc trong các ngành kinh tế, đòi hỏi họ phải có sự tương đương trong trình độ NLNN thể hiện trước hết thông qua các chứng chỉ NLNN quốc gia tiệm cận với trình độ khu vực và thế giới. Trong khi đó, ở Việt Nam, các VBCC được cấp cho người tốt nghiệp dường như không có giá trị quốc gia thống nhất mà chỉ có giá trị riêng của từng cơ sở đào tạo.

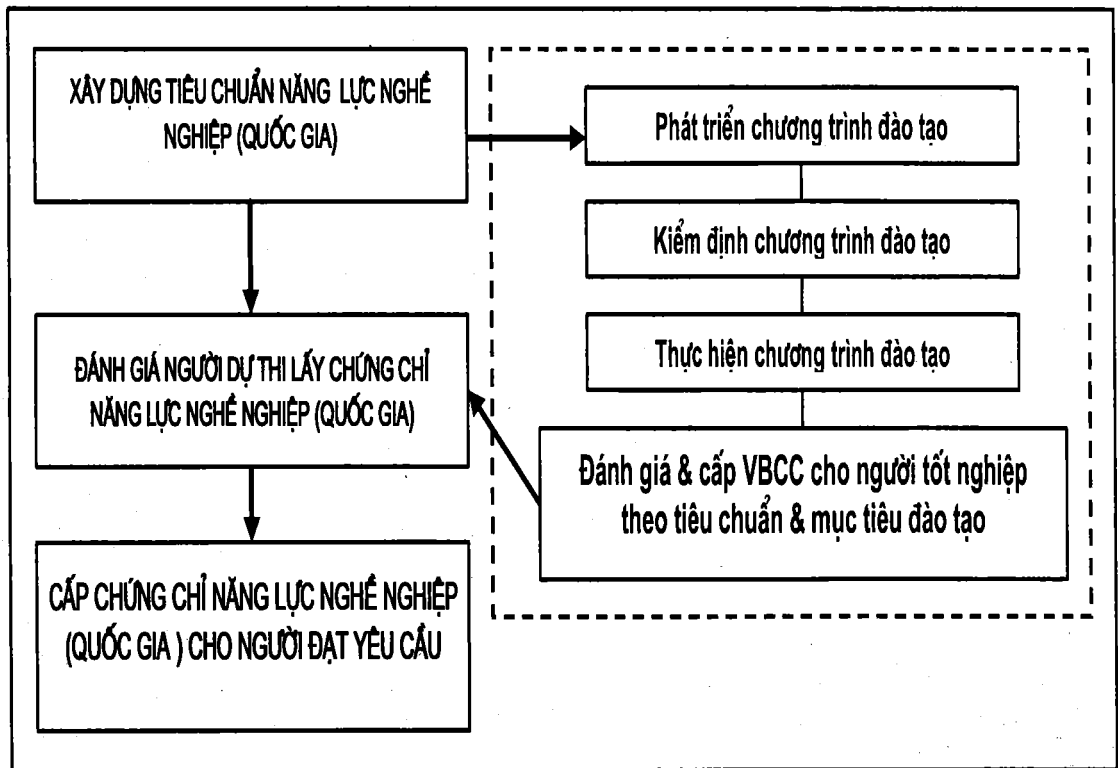
Vì vậy, từ kinh nghiệm của nhiều nước trong điều kiện kinh tế thị trường và thị trường lao động, việc xây dựng và thực thi một hệ thống tiêu chuẩn NLNN, đánh giá và cấp chứng chỉ quốc gia phù hợp sẽ góp phần giải quyết điều đó, đồng thời là một trong những giải pháp quan trọng vừa mang tính cấp bách trước mắt vừa mang tính chiến lược lâu dài nhằm nâng cao

chất lượng GD nghề nghiệp nói chung, GD TCCN nói riêng ở Việt Nam trong thời gian tới.

**2. Khái quát về hệ thống tiêu chuẩn NLNN, đánh giá và cấp chứng chỉ quốc gia**

Để đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, từ một vài thập kỉ qua, hệ thống Giáo dục Kỹ thuật và Dạy nghề (Technical and Vocational Education and Training - đây là thuật ngữ được UNESCO sử dụng) của nhiều nước đã và đang được “cải cách” bằng việc áp dụng phương thức đào tạo theo năng lực thực hiện (Competency Based Training). Đó là một phương thức đào tạo nhằm vào việc giúp người tốt nghiệp đạt được các năng lực thực hiện (NLTH) hay NLNN (Occupational Competencies) theo các tiêu chuẩn NLNN do phía sử dụng lao động đề ra, một trong những tiêu chuẩn chất lượng có ý nghĩa quyết định nhất. Nhiều nước trên thế giới có hệ thống tiêu chuẩn NLNN, đánh giá và cấp chứng chỉ quốc gia được sử dụng một cách có hiệu quả trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của

Sơ đồ 1 :Hệ thống tiêu chuẩn NLNN, đánh giá và cấp chứng chỉ quốc gia,



cơ chế thị trường. Hệ thống giáo dục kĩ thuật và dạy nghề (GDKT&DN) gắn chặt với hệ thống sử dụng lao động thông qua trước hết là các tiêu chuẩn NLNN đối với người lao động. Các cơ sở đào tạo dựa vào các tiêu chuẩn NLNN để xây dựng tiêu chuẩn và mục tiêu đào tạo, phát triển, kiểm định và thực hiện chương trình đào tạo, và cuối cùng đánh giá thành tích học tập và cấp VBCC cho người tốt nghiệp theo tiêu chuẩn và mục tiêu đào tạo đã xác định. Tuy nhiên, điều đó chưa thể khẳng định được rằng chất lượng đầu ra hay sản phẩm của các cơ sở đào tạo là như nhau. Những người tốt nghiệp các khoá đào tạo có thể và nhiều khi cần phải dự thi để lấy chứng chỉ NLNN quốc gia theo tiêu chuẩn NLNN quốc gia tương ứng trước khi tham gia thị trường lao động. Đó là hệ thống tiêu chuẩn NLNN, đánh giá và cấp chứng chỉ quốc gia với sự tham gia của nhiều bên và độc lập tương đối với hệ thống đào tạo, thể hiện ở sơ đồ 1 (Xem sơ đồ 1). /3/

Thông qua hệ thống này, khi tiêu chuẩn đào tạo, mục tiêu đào tạo được xác định trùng khớp về cơ bản với tiêu chuẩn NLNN (quốc gia), cơ sở đào tạo nào có hệ thống đảm bảo chất lượng và quản lí chất lượng toàn diện theo tiêu chuẩn đề ra sẽ có nhiều khả năng đạt được chất lượng và hiệu quả đào tạo cao, tạo nên thương hiệu riêng cho mình.

Điều này cũng thể hiện đối với giáo viên (GV) ở chỗ, các cơ sở GD&ĐT là những cơ sở sử dụng lao động ở bên "cầu" của thị trường lao động, các cơ sở đào tạo GV (các trường, khoa SP và SPKT) là ở bên "cung" lao động GV. Khi thị trường lao động được thực thi đầy đủ hơn, những người tốt nghiệp các cơ sở đào tạo GV, bản thân các GV đang làm việc cùng với những người lao động trong xã hội có trình độ chuyên môn kĩ thuật muốn làm GV sẽ là những người dự thi để lấy chứng chỉ NLNN quốc gia hay chứng chỉ "hành nghề" GV.

**3. Xây dựng hệ thống Tiêu chuẩn NLNN, đánh giá và cấp chứng chỉ quốc gia (CCQG)**

**- một giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục trung cấp chuyên nghiệp**

Có thể nói, lần đầu tiên ở Việt Nam, ngành Du lịch Việt Nam thông qua Dự án ODA của Luxambua đã thành lập "Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ du lịch Việt Nam" và bước đầu hình thành hệ thống Tiêu chuẩn NLNN, đánh giá và cấp CCQG trong lĩnh vực du lịch. /4/

Xây dựng hệ thống này gồm có ba khâu liên quan gắn bó chặt chẽ với nhau, đó là: Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn NLNN; xây dựng hệ thống đánh giá; xây dựng hệ thống cấp CCQG. Dưới đây trình bày ngắn gọn về một số công việc quan trọng và cấp bách trong các khâu đó.

### **3.1 Xây dựng tiêu chuẩn NLNN cho một số ngành nghề**

Hệ thống tiêu chuẩn trong GD TCCN bao gồm (i) các tiêu chuẩn nhân lực giáo dục TCCN: Tiêu chuẩn giáo viên TCCN (gồm có tiêu chuẩn nghề nghiệp GV và tiêu chuẩn về đội ngũ GV); tiêu chuẩn cán bộ quản lí GD TCCN (gồm có tiêu chuẩn nghề nghiệp CBQL và tiêu chuẩn về đội ngũ CBQL); tiêu chuẩn về người học; tiêu chuẩn về nhân viên, v.v... (ii) tiêu chuẩn các điều kiện bảo đảm chất lượng GD TCCN: tiêu chuẩn cơ sở vật chất - kĩ thuật trường học; tiêu chuẩn nội dung chương trình; tiêu chuẩn giáo trình và học liệu; tiêu chuẩn đầu tư, định mức tài chính cho GD TCCN; v.v...

Việc xây dựng hệ thống tiêu chuẩn trong GD TCCN, nhất là tiêu chuẩn giáo viên, tiêu chuẩn nội dung chương trình, giáo trình, học liệu,... đòi hỏi trước hết phải có tiêu chuẩn NLNN ở từng ngành nghề cụ thể mà người tốt nghiệp TCCN phải đáp ứng. Đây là khâu hết sức khó khăn, phức tạp và tốn kém, cần có sự tham gia trực tiếp của bên cầu, của các doanh nghiệp, các hội nghề nghiệp... Trước mắt nên chăng tập trung xây dựng tiêu chuẩn NLNN cho một số ngành nghề lựa chọn có nhu cầu lớn về lao động có trình độ TCCN.

Các loại tiêu chuẩn trong GD có vai trò và ý

nghĩa hết sức to lớn trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng GD, đặc biệt trong điều kiện của cơ chế thị trường. Ví dụ, tiêu chuẩn NLNN giáo viên TCCN có vai trò hết sức quan trọng: (i) Các cơ sở đào tạo GV (các trường SPKT, các khoa SPKT) căn cứ vào tiêu chuẩn NLNN giáo viên để phát triển chương trình đào tạo GV; (ii) từng GV căn cứ vào tiêu chuẩn NLNN giáo viên để tự đánh giá NLNN của mình, từ đó đề ra kế hoạch tự bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao NLNN đạt chuẩn và vượt chuẩn; (iii) các cấp quản lí GD TCCN căn cứ vào tiêu chuẩn NLNN giáo viên TCCN để xây dựng các quy định về theo dõi, giám sát, về chế độ chính sách đối với GV; đánh giá phân loại trình độ NLNN của từng GV và của cả đội ngũ GV; trên cơ sở đó lập quy hoạch đào tạo tiếp tục, bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ GV.

Tiêu chuẩn NLNN giáo viên TCCN cần được xây dựng trên cơ sở phân tích mô hình hoạt động nghề nghiệp thực tế của từng loại GV TCCN, đưa ra hệ thống các tiêu chí về NLNN của từng loại GV TCCN. Việc xây dựng tiêu chuẩn NLNN giáo viên TCCN về mặt chuyên môn kĩ thuật cần phải dựa vào tiêu chuẩn NLNN ở ngành nghề tương ứng.

Hiện nay, cần thiết và có thể xây dựng được các tiêu chuẩn riêng đối với GV TCCN dạy lí thuyết và GV TCCN dạy thực hành do tính chất hoạt động nghề nghiệp của hai loại GV này là rất khác nhau, đồng thời tạo điều kiện dễ dàng hơn trong quá trình đào tạo và sử dụng. Cũng có ý kiến cho rằng cần phải xây dựng tiêu chuẩn cho loại GV TCCN dạy cả lí thuyết và thực hành, tuy nhiên, trước mắt chưa thể tiến hành ngay được.

Đối với GV dạy văn hóa phổ thông trong đào tạo TCCN, chúng ta hoàn toàn có thể sử dụng tiêu chuẩn của GV dạy THPT, nhưng cần có quy định bồi dưỡng thêm kiến thức thực tiễn ngành nghề chuyên môn thông qua việc tham quan thực tế hoặc tìm hiểu chương trình các môn học chuyên môn có liên quan... GV dạy các

môn học chung (chính trị, quân sự, pháp luật...), các môn kĩ thuật cơ sở và lí thuyết chuyên môn phải tốt nghiệp đại học cùng ngành và được bồi dưỡng theo chương trình nghiệp vụ SPKT.

Bên cạnh các tiêu chuẩn về các mặt trên, tiêu chuẩn NLNN giáo viên TCCN còn phải bao gồm các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị theo qui định chung đối với mọi GV.

### **3.2. Thiết lập hệ thống đăng kí định kì GV theo tiêu chuẩn NLNN giáo viên TCCN /5/**

Hiện nay ở nước ta, việc đào tạo và công nhận GV chỉ làm một lần và thừa nhận vĩnh viễn. Điều này đã hạn chế nỗ lực phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của từng GV, đồng thời các cơ sở đào tạo TCCN không có căn cứ và cơ sở để thực hiện việc phân loại, lựa chọn và khuyến khích những GV đáp ứng được những yêu cầu mới trong GD TCCN. Nhiều nước tiên tiến đã thực hiện chế độ kiểm tra và đăng kí chất lượng GV một cách định kì theo tiêu chuẩn NLNN giáo viên.

Mục tiêu đào tạo TCCN đang hướng vào việc nâng cao năng lực thực hành, nhưng tiêu chuẩn GV TCCN hiện hành lại không có quy định tiêu chuẩn về tay nghề. Người tốt nghiệp đại học không có nghĩa là có tay nghề để có thể dạy thực hành theo yêu cầu của mục tiêu đào tạo TCCN.

Để thực hiện được việc kiểm tra và đăng kí GV TCCN, cần phải xây dựng được "Tiêu chuẩn NLNN giáo viên TCCN", có thể theo 3 mức độ khác nhau; hình thành cơ chế và phân cấp thực hiện việc kiểm tra và đăng kí GV TCCN tại các cơ sở đào tạo. Việc kiểm tra và đăng kí GV TCCN cần được thực hiện vào các thời điểm: sau khi tốt nghiệp các trường, khoa SPKT; sau khi hết thời gian tập sự và định kì 5 năm một lần. Điều kiện hết sức quan trọng để thực thi chính sách này là phải có chế độ đãi ngộ khuyến khích thoả đáng đối với GV đạt chuẩn và trên chuẩn.

Kinh nghiệm của các nước và của ngành Du

lich Việt Nam cho thấy, giải pháp mà chúng tôi đề xuất trên đây cần phải được tiến hành thông qua một dự án/đề án lớn trong một thời gian tương đối lâu dài và theo từng bước phù hợp với điều kiện nước ta. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn NLNN, đánh giá và cấp CCQG trong điều kiện kinh tế thị trường và thị trường lao động là một trong những giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng GD TCCN, nhưng đồng thời là một vấn đề mới, phức tạp ở nước ta. Điều đó đòi hỏi trước hết phải đổi mới tư duy mạnh mẽ trong cán bộ quản lí các cấp, bao gồm cả các ngành ngoài giáo dục, GV, HS, người lao động... Các doanh nghiệp, các hội nghề nghiệp, các chuyên gia giáo dục và chuyên môn kĩ thuật... cần được huy động tham gia một cách phù hợp và có hiệu quả vào quá trình xây dựng và thực hiện từng khâu của hệ thống này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Nguyễn Hữu Châu. *Những tiêu chí cơ bản của chất lượng GD*. Báo cáo hội thảo quốc tế 'Đánh giá chất lượng GD: lí luận và thực tiễn'; Hà Nội, 26-27/7/2005.
- 2/ Nguyễn Lộc. *Hiệu quả và chất lượng trong giáo dục*. Tạp chí Khoa học GD; số 4, tháng 1/2006
- 3/ Nguyễn Đức Trí. *Xây dựng hệ thống đánh giá và chứng chỉ kĩ năng nghề quốc gia*. Tài liệu Hội thảo; Dự án GDKT&DN; Bộ LĐ, TB&XH; Hà Nội, 9/2004
- 4/ Tổng cục Du lịch: *Hội đồng cấp chứng chỉ nghiệp vụ du lịch Việt Nam (Vietnam Tourism Certification Board – VTCB)*
- 5/ Báo cáo tổng kết đề tài: *'Nghiên cứu các giải pháp thực hiện tiêu chuẩn hoá GV các trường THCN đến năm 2010'*, Mã số B2003-52-34. Nguyễn Đăng Trụ/ Nguyễn Đức Trí. Viện Chiến lược và Chương trình GD, 2006

### SUMMARY

*The author emphasizes the importance of improving the quality of professional secondary education in our country nowadays. To this end, it is necessary to set a unified system of national standards for occupational competence for evaluating and accreditation. He also discusses in brief what must be done to do that.*

## VẤN ĐỀ TỈ LỆ...

(Tiếp theo trang 36)

Mặc dù vậy, việc thực hiện kế hoạch theo bảng 4 là rất khó khăn do nhu cầu, nguyện vọng của người học, do số lượng trúng tuyển đầu vào và do yêu cầu của cơ sở đào tạo quy định. Quá trình thực hiện bảng 4 thường phải điều chỉnh liên tục cho đến cuối kì kế hoạch vì vậy mà việc xác định tỉ lệ cơ cấu theo bảng 4 là có tính tương đối.

Chúng tôi nhận thấy hiện nay việc xác định cơ cấu, tỉ lệ, số lượng đào tạo cán bộ, giáo viên THPT có trình độ sau đại học ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long theo như mô hình bảng 2 là phù hợp cần được quan tâm.

Tóm lại, trên đây là những cách thức xác định tỉ lệ, cơ cấu đào tạo cán bộ, giáo viên có trình độ sau đại học của một số sở GD - ĐT các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, xin được giới thiệu để cùng tham khảo./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo:
  - \* Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 – Văn bản ban hành kèm theo Quyết định 201/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28/12/2001.
  - \* Phân phối chương trình các môn học bậc THPT ban hành kèm theo Quyết định số 28/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 20/7/2000.
2. Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang
  - \* Biên bản Hội thảo 5 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với Đại học sư phạm Huế ngày 28/11/2005 tại Tiền Giang về đào tạo cán bộ, giáo viên có trình độ sau Đại học giai đoạn 2007-2013.

### SUMMARY

*The article presents the proportion and structure in plans for training upper secondary school teachers who have completed post-graduate education in Me Kong River Delta areas.*